

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIÊNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1354**/UBND-SX

Phú Riềng, ngày **21** tháng 10 năm 2019

V/v công bố xã Bình Sơn đủ điều kiện xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Kính gửi:

- Văn phòng Huyện ủy;
- Phòng Văn Hóa - Thông tin huyện.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Trên cơ sở Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 04/10/2019 của UBND xã Bình Sơn và Báo cáo số 47/BC-ĐTT2618 ngày 16/10/2019 của Đoàn Thẩm tra kết quả hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Bình Sơn.

Theo trình tự xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016, đối với xã đủ điều kiện đề nghị đạt chuẩn nông thôn mới phải được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Phòng Văn Hóa - Thông tin huyện: Tiến hành công bố công khai xã Bình Sơn đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới ít nhất 03 lần trên hệ thống truyền thanh của huyện để lấy ý kiến của nhân dân trên địa bàn huyện.

2. Đề nghị Văn phòng Huyện ủy: Đăng toàn văn dự thảo báo cáo thẩm tra đánh giá thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Bình Sơn và công bố xã Bình Sơn đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân.

Nhận được Công văn này, các đơn vị nêu trên khẩn trương triển khai thực hiện.

(Gửi kèm: Dự thảo Báo cáo thẩm tra, đánh giá thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Bình Sơn của UBND huyện)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND xã Bình Sơn;
- LĐVP, VPĐPNTM;
- Lưu: VT *ph*

CHỦ TỊCH



Lê Tấn Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIÊNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: BC-UBND

Phú Riềng, ngày tháng 10 năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Bình Sơn năm 2019

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị Quyết số 137/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND huyện Phú Riềng về việc phê duyệt đề án xây dựng NTM xã Bình Sơn năm 2019;

Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25/02/2019 của UBND huyện Phú Riềng về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM ở xã Bình Sơn năm 2019;

Theo Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 04/10/2019 của UBND xã Bình Sơn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Bình Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Sơn, UBND huyện Phú Riềng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Bình Sơn, năm 2019, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Thời gian thẩm tra: Từ ngày 04/10/2019 đến ngày 15/10/2019.
2. Về hồ sơ: Hồ sơ đề nghị công nhận xã Bình Sơn đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện theo quy định tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2016-2020.

II. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- Tổng kinh phí để thực hiện: 28,655 tỷ đồng.
- Tổng kinh phí Nhà nước giao: 27,675 tỷ đồng, chiếm 96,6%; trong đó:
 - + Ngân sách Trung ương: 5,55 tỷ đồng, chiếm 19,4%;
 - + Ngân sách tỉnh 9,3 tỷ đồng, chiếm 32,5%;

- + Ngân sách huyện: 8,125 tỷ đồng, chiếm 28,3%;
- + Ngân sách xã: 4,7 tỷ đồng, chiếm 16,4%;
- Huy động trong dân: 0,98 tỷ đồng, chiếm 3,4%;
- Giải ngân: 28,655 tỷ đồng, chiếm 100%;

III. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ:

1. TIÊU CHÍ SỐ 1 - QUY HOẠCH

a. Yêu cầu tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn;
- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.
- Những quy hoạch cần phải bổ sung, điều chỉnh theo Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bình Sơn (Giai đoạn năm 2016-2020);
- Nghị Quyết số 137/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt đề án xây dựng mô hình nông thôn mới xã Bình Sơn năm 2019, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;
- Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25/02/2019 của UBND huyện Phú Riềng về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về XD NTM ở xã Bình Sơn năm 2019.
- Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND huyện Phú Riềng v/v ban hành quy chế quản lý quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Bình Sơn, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đến năm 2020;

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 1 Quy hoạch: **Đạt**

2. TIÊU CHÍ SỐ 2 - GIAO THÔNG:

a. Yêu cầu tiêu chí

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%.
- Đường trục thôn, ấp, sóc ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%.
- Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa; trong đó cứng hóa đạt tỷ lệ theo từng nhóm xã, đạt 100%.
- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đường ĐT 759 dài 4.008km nhựa hóa 100%

- Đường liên xã, trục xã, tổng số: 18,830km: Số km đã được nhựa hóa 18.830 km đạt 100% đảm bảo ô tô đi lại quanh năm, đạt 100% so với tổng số.

- Đường thôn, ngõ, xóm: Tổng số: 19,579km, số km cứng hóa đạt chuẩn là 19,579 km, đạt 100% so với tổng số.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 2 - Giao thông: **Đạt**

3. TIÊU CHÍ SỐ 3 - THỦY LỢI

a. Yêu cầu tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới nước và tiêu nước chủ động đạt trên 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã Bình Sơn cây trồng chủ yếu là Cao su, Điều, Cà phê và cây ăn quả. Nguồn nước để sản xuất nông nghiệp chủ yếu từ suối, ao hồ, giếng khoan và giếng đào. Cụ thể như sau:

Tổng diện tích tự nhiên của xã là 2.519,67 ha. Trong đó :

- Diện tích đất phi nông nghiệp của xã 109,76 ha.

- Diện tích đất nông nghiệp của địa phương 2.409,91 ha gồm: Điều: 1295,59 ha, Cao su: 1063,9 ha, Cây ăn trái: 8.26 ha, Diện tích lúa: 3,6 ha, Đất hoa màu: 2 ha, Diện tích đất Cà phê 9,2 ha, diện tích đất trồng Tiêu: 10 ha, Cây NN khác: 17,12 ha.

Trên địa bàn xã Bình Sơn diện tích trồng cây lâu năm chủ yếu là Cao su và cây Điều chiếm phần lớn diện tích, đây là 2 loại cây trồng không cần tưới nước chủ động, tuy nhiên vẫn đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

Diện tích đất nông nghiệp được tưới chủ động là Cây ăn trái: 8.26 ha, Diện tích lúa: 3,6 ha, Đất hoa màu: 2 ha, Diện tích đất Cà phê 9,2 ha, diện tích đất trồng Tiêu: 10 ha, Cây NN khác: 17,12 ha.

Tổng diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới là: 48,7 ha (S1)

Tổng diện tích gieo trồng cả năm theo kế hoạch là : 50,12 ha (S2)

Tỷ lệ đất SXNN được tưới chủ động là 48,7/50,12 đạt 97,16%

- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp và Phi nông nghiệp được tiêu chủ động cụ thể:

Trên địa bàn xã Bình Sơn có tổng diện tích tự nhiên là: 2519,67 ha. Trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 2409,91 ha, đất phi nông nghiệp là 109,76 ha. Trên địa bàn xã có nhiều suối và ao hồ, nên việc tiêu thoát nước được kịp thời không xảy ra tình trạng ngập úng.

Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp và Phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 2519,67 ha/2919,67 ha đạt 100%.

Xã có Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thường xuyên được củng cố, kiện toàn; hàng năm Ban chỉ huy đều được xây dựng phương án, kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên để tổ chức thực hiện. Thực hiện tốt phương châm chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả; trong đó lấy phòng tránh là chính.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 3 Thủy lợi: **Đạt**

4. Tiêu chí số 4 - Điện

a. Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ các nguồn ($\geq 99\%$).
- Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính trên tổng km đường nhựa, đường BTXM của xã $\geq 10\%$).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện trạng trên địa bàn xã Bình Sơn có 14 trạm Biến áp.
- Hệ thống điện Trung áp dài 13.2km.
- Hệ thống điện hạ thế trên toàn xã có tổng chiều dài 17,2km.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ các nguồn đạt 99.5%. Trên tổng số 1004 hộ.
- Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính trên tổng km đường nhựa, đường BTXM của xã là 8,4km/38,527km đạt 21,8%.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 4 – Điện: (**Đạt/Không Đạt**) **Đạt**

5. Tiêu chí số 5 - Trường học

a. Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt chuẩn quốc gia.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Tổng số trường học: Đầu năm 2019 có 03 trường, hiện có 02 trường (TH và THCS nhập thành Trường Tiểu học và THCS Bình Sơn)

- Mẫu giáo: 01 trường; cơ sở vật chất đủ điều kiện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tiểu học và THCS (Trường Tiểu học và THCS Bình Sơn) cơ sở vật chất đủ điều kiện đạt chuẩn nông thôn mới.

* Tổng số phòng học: 35 phòng đạt chuẩn nông thôn mới

- Mẫu giáo : 12 phòng đạt chuẩn nông thôn mới

- Trường Tiểu học và THCS Bình Sơn: Tổng 23 phòng đạt chuẩn nông thôn mới (Tiểu học 16 phòng, THCS 07 phòng)

* Số phòng chức năng hiện có:

- Mẫu giáo : 07 phòng đạt chuẩn nông thôn mới
- Trường Tiểu học và THCS Bình Sơn: Tổng 18 phòng đạt chuẩn nông thôn mới (Tiểu học 6 phòng, THCS 12 phòng)

* Diện tích sân chơi, bãi tập đã có: Có 1 nhà đa năng dùng chung cho Tiểu học và THCS với diện tích 537 m². Sân bê tông rộng 2.200 m² (Tiểu học 700 m², THCS 1500 m²); Trường Mẫu Giáo Bình Minh có 1.292 m² Sân bê tông và các trang thiết bị phục vụ các cháu sinh hoạt, vui chơi.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 5 – Trường học: **Đạt**

6. TIÊU CHÍ SỐ 6 - CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HOÁ

a. Yêu cầu tiêu chí

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, sóc, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (100%).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã có nhà văn hóa – sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi theo quy định, cụ thể:

- Hội trường xã có sức chứa trên 150 chỗ ngồi có diện tích : 242 m².

- Khu thể thao xã đang xây dựng: Có tổng diện tích: 3.900m² với kinh phí 2,950 tỷ đồng.

- Hội trường đầy đủ trang thiết bị để phục vụ sinh hoạt theo quy định.

Xã có 05/05 thôn có nhà văn hóa, khu thể thao đảm bảo cho việc sinh hoạt, hội họp, giao lưu của nhân dân trên địa bàn xã theo quy định.

Ngoài ra xã có các khu vui chơi cho trẻ em và các công trình thể thao có thể ở nhiều vị trí trên địa bàn xã.

d. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: **Đạt**

7. TIÊU CHÍ SỐ 7 – CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN

a. Yêu cầu tiêu chí

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trên địa bàn xã Bình Sơn không có chợ. Tuy nhiên cách trung tâm xã 500m có 1 chợ nhỏ thuộc khu Long Điền phường Long Phước thị xã Phước Long.

- Nơi mua bán, trao đổi hàng hóa: Chợ nhỏ Long Điền.

- Toàn xã có 27 tiệm buôn bán tạp hóa và thực phẩm tiêu dùng.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng TMNT: **Đạt**

8. TIÊU CHÍ SỐ 8 – THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

a. Yêu cầu tiêu chí

- Có điểm phục vụ bưu chính.
- Có dịch vụ viễn thông, internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện xã không có điểm Bưu chính (Bưu điện) tuy nhiên các hoạt động bưu chính, chuyển phát vẫn được người dân thực hiện tại điểm Bưu chính của Phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (cách xã Bình Sơn 4km).

- Trước năm 2014 xã có hệ thống truyền thanh không dây, mức độ phủ sóng hạn chế. Đến năm 2014 xã được Sở thông tin truyền thông, Đài phát thanh truyền hình tỉnh đầu tư nâng cấp hệ thống loa truyền thanh không dây với kinh phí khoảng 200.000.000đ . Hiện xã có phòng truyền thanh riêng và hệ thống truyền thanh không dây tới các thôn với 13 cụm loa (mỗi thôn có 2 cụm riêng thôn Phú Châu, thôn Bình Điền, Sơn Hà 1 có 3 cụm loa, mỗi cụm gồm 01 bộ thu và 02 loa phóng thanh 60w) đang hoạt động tốt.

- Năm 2019 Trạm truyền thanh xã được phân bổ dự toán kinh phí hoạt động là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cơ bản đáp ứng được kinh phí hoạt động của trạm. Hiện trạm truyền thanh xã có 01 cán bộ truyền thanh kiêm nhiệm.

- Dịch vụ viễn thông, internet: hiện nay 05/05 thôn của xã đã có sóng điện thoại di động độ phủ sóng khoảng 92% với 03 nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, hiện 05/05 thôn đã có hạ tầng dịch vụ internet, internet cáp quang đảm bảo cho hoạt động cập nhật thông tin của người dân.

- Trong công tác điều hành quản lý, năm 2019 UBND xã được UBND huyện Phú Riềng giới thiệu, triển khai và sử dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử NotOffice, tháng 5 năm 2019 UBND xã đưa vào sử dụng ứng dụng quản lý văn bản mới là OneWin tới toàn thể cán bộ công chức, các đơn vị trong UBND. Hiện nay UBND xã có 20 máy vi tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành, công cụ làm việc. Các cán bộ, công chức Ủy ban được cung cấp một thư điện tử riêng để truy cập và sử dụng.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 8 - Bưu chính viễn thông: **Đạt**

9. TIÊU CHÍ SỐ 9 - NHÀ Ở DÂN CƯ

a. Yêu cầu tiêu chí

- Nhà tạm, dột nát (không).
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định $\geq 90\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện nay, xã không còn nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng đạt 980/1004 nóc nhà đạt 97,6%.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 9 - Nhà ở: **Đạt**

10. TIÊU CHÍ SỐ 10 - THU NHẬP

a. Yêu cầu tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019 từ: sản xuất trồng trọt (cây lương thực và các loại cây hàng hóa chủ yếu), chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hoạt động ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; Tỷ trọng hàng hóa; ≥ 54 triệu đồng

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Qua công tác thống kê thu thập trên toàn xã, kết quả cụ thể như sau:

- * Nông, lâm, thủy sản: 40.923 triệu đồng
- Thu nhập từ nông nghiệp: 40.879 triệu đồng
- Thu từ lâm nghiệp: 0
- Thu nhập từ thủy sản: 44 triệu đồng
- * Thu nhập từ sản xuất phi, nông, lâm nghiệp: 31.068 triệu đồng

Trong đó:

- Thu nhập của các công ty, doanh nghiệp: 19.369 triệu đồng
- Thu nhập từ các hộ sản xuất kinh doanh cá thể: 11.698 triệu đồng
- * Thu từ các khoản tiền lương, tiền công: 141.961 triệu đồng

Dân số thực tế tại địa phương: 3.958 triệu đồng

Tổng thu nhập của xã: 213.952 triệu đồng

Như vậy, thu nhập bình quân đầu người đạt 54,06 triệu đồng/người/năm.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 10 - Thu nhập: **Đạt**

11. TIÊU CHÍ SỐ 11 - HỘ NGHÈO

a. Yêu cầu tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: hiện tại xã còn 10 hộ, chiếm tỷ lệ 1%

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: **Đạt**

12. Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm

a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ trên 90%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là: 2.495 người.
- Tổng số người không tham gia hoạt động kinh tế là: 285 người.
- Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 2.210 người.
- Tổng số người có việc làm thường xuyên là: 2.084 người.
- Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: $(2.084/2.210)*100\% = 94.2\%$

c. Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt

13. TIÊU CHÍ SỐ 13 - HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

a. Yêu cầu tiêu chí

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (Luật số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội).
- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tên hợp tác xã: HTX sản xuất – thương mại – dịch vụ nông nghiệp NGUYỄN KHANG GARDEN

- Kết quả thực hiện tiêu chí số 13.1:

+ Về hồ sơ pháp lý, trụ sở của hợp tác xã: Địa chỉ thôn Bình Điền xã Bình Sơn huyện Phú Riềng tỉnh Bình Phước. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: Số 441107000001. Mã số Thuế: 441107000001

+ Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, hoạt động theo quy định (Điều 7 Luật Hợp tác xã).

+ Có 07 thành viên hợp tác xã tối thiểu có đủ tư cách thành viên.

+ Có cơ cấu tổ chức quản lý hợp tác xã đầy đủ theo quy định: Hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và bộ phận kế toán.

+ Có phương án sản xuất, kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về thuế, chế độ báo cáo của hợp tác xã.

- Kết quả thực hiện tiêu chí số 13.2:

+ Mô hình liên kết: Bao tiêu giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

+ Đối tượng liên kết: Lộc Ninh, Bưởi Da Xanh Long Bình

+ Nội dung liên kết: Giới thiệu đầu ra các mặt hàng Rau quả, trái cây tại các Siêu thị, Trung tâm thương mại.

+ Hình thức liên kết: Dạng chuỗi liên kết, vận tải hàng hóa.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 13 - Hình thức tổ chức sản xuất: **Đạt.**

14. TIÊU CHÍ SỐ 14 - GIÁO DỤC

a. Yêu cầu tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở
- Khảo sát, thống kê tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học lên trung học phổ thông, bổ túc hoặc học nghề;
- Xác định tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Năm 2018 xã Bình Sơn được Ủy ban nhân dân huyện Phú Riềng công nhận cấp xã đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2018, công tác xóa mù chữ mức độ 2, công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ đạt chuẩn, công tác phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 (tại Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 27/12/2018).

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm của nhà trường là 76/76 em đạt 100 %. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục theo học trung học phổ thông học bổ túc và học nghề là 76/76 học sinh đạt 100%;

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: Xã Bình Sơn có tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 1015/2210 đạt 45,9%.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo: **Đạt**

15. TIÊU CHÍ SỐ 15 - Y TẾ

a. Yêu cầu tiêu chí

- Xác định tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.
- Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020.
- Xác định tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: 86,2 %
- Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 15,68%

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 15 - Y tế: **Đạt**

16. TIÊU CHÍ SỐ 16 - VĂN HÓA

a. Yêu cầu tiêu chí

- Tỷ lệ số thôn, sóc, ấp xã đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Năm 2019, xã có 05/05 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa, đạt 100%, đầu năm có 893 hộ đăng ký cuối năm có 817 hộ đạt gia đình văn hóa, đạt 91,5%.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 16 - Văn hóa: **Đạt.**

17. TIÊU CHÍ SỐ 17 - MÔI TRƯỜNG

a. Yêu cầu tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp;
- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, đảm bảo giá trị văn hóa....
- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch;
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm;

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

17.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia là 98,63%; trong đó hộ dùng nước sạch đạt 68,8%.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Tỷ lệ 100%

17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch- đẹp an toàn: Đạt

17.4 Mai táng phù hợp với quy định tại nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của chính phủ về xây dựng quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của bộ Y tế; Việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt .

17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt

Rác thải sinh hoạt được xử lý đốt và phân loại tại mỗi hộ gia đình, không có gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 958/1004 Tỷ lệ đạt 95,4%;

17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo môi trường. Tỷ lệ đạt 259/324 hộ, đạt tỷ lệ 80%;

17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 80%;

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 17 - Môi trường và An toàn thực phẩm: **Đạt**.

18. TIÊU CHÍ SỐ 18 - HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

a. Yêu cầu tiêu chí

- Báo cáo hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức xã và đánh giá so với tiêu chuẩn quy định, nêu cụ thể chức danh đạt chuẩn, chức danh không đạt chuẩn, lý do, cách khắc phục đối với những cán bộ, công chức xã chưa đạt chuẩn;

- Mô tả và đánh giá (có đủ/không đủ) các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở từ cấp xã đến cấp thôn, làng theo quy định;

- Kết quả đánh giá, phân loại Đảng bộ, chính quyền của xã “trong sạch, vững mạnh”, đề nghị báo cáo cụ thể kết quả năm trước năm đánh giá công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, dự kiến kết quả đánh giá Đảng bộ, chính quyền năm đánh giá công nhận nông thôn mới (*trường hợp khi thẩm định chưa có kết quả đánh giá*).

- Kết quả đánh giá, phân loại các tổ chức - chính trị xã hội của xã đạt loại khá trở lên (*đề nghị báo cáo như phân đánh giá Đảng bộ, chính quyền xã*).

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Kết quả đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình ; bảo trợ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn 20/20 cán bộ công chức và đáp ứng tiêu chuẩn được quy định Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ và Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

Xã có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị bao gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND và Đoàn thể chính trị - xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu TNXP.

Đối với 5 thôn có đủ tổ chức bao gồm: Chi bộ, Ban điều hành thôn, Ban Công tác Mặt trận, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội Người cao tuổi.

18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”

- Đối với Đảng bộ:

+ Năm 2016 được Huyện ủy đánh giá, xếp loại Đảng bộ “ trong sạch, vững mạnh”.

+ Năm 2017 được Huyện ủy đánh giá, xếp loại 5 năm liền Đảng bộ “ trong sạch, vững mạnh”.

+ Năm 2018 được Huyện ủy đánh giá, xếp loại Đảng bộ “ trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu.

+ Năm 2019 phấn đấu đạt Đảng bộ “trong sạch, vững mạnh”.

- Đối với chính quyền xã:

+ Năm 2017 được danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc của UBND Tỉnh.

+ Năm 2018 được danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc của UBND Tỉnh.

+ Năm 2019 phấn đấu đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc trở lên.

18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu “tiên tiến” trở lên

Trong năm, Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể xây dựng chương trình công tác năm, triển khai thực hiện công tác chính trị tư tưởng, công tác phát triển đoàn viên hội viên, thực hiện các phong trào hành động, phối hợp tốt cùng chính quyền thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh ở địa phương. Tự rà soát đánh giá thực hiện giao ước thi đua của cấp trên, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đều đạt vững mạnh, xuất sắc.

18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 được Ủy ban nhân dân huyện công

18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

Hàng tháng, UBND xã phát các chuyên mục, tin bài tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống đài truyền thanh của xã tuyên truyền trực tiếp những nội dung về hôn nhân, gia đình, vì sự tiến bộ của phụ nữ đến nhân dân UBND đã thành lập 01 mô hình Phụ nữ lên tiếng, có trách nhiệm thực hiện an toàn giao thông; xây dựng câu lạc bộ nuôi dạy con tốt. Công tác quy hoạch, bố trí cán bộ đảm bảo tỷ lệ nữ theo quy định, hiện nay xã có 07 cán bộ nữ là lãnh đạo của xã; 8 nữ đại biểu hội đồng nhân dân xã; trong đó có 1 nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện. Trong năm 2019, trên địa bàn xã đảm bảo bình đẳng giới và không có bạo lực gia đình; không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật: **Đạt.**

19. TIÊU CHÍ SỐ 19 - AN NINH VÀ QUỐC PHÒNG

a. Yêu cầu tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng và theo hướng dẫn số 561/HD-BCH ngày 25/5/2017 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh về tiêu chí quốc phòng theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2016 -2020.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra vụ án và tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Số lượng cán bộ: Theo quy định của pháp luật, cụ thể: 01 Chính trị viên, 01 Chính trị viên phó, 01 Chỉ huy trưởng, 01 Chỉ huy phó.

Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban nhân dân xã; Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm.

Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp trường quân sự tỉnh, Chỉ huy phó được đào tạo trình độ đại học ngành quân sự cơ sở. Hằng năm, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn;

Chế độ chính sách và nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự xã: Ban Chỉ huy quân sự có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; cán bộ Ban Chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Chỉ huy trưởng và Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật.

Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong dân quân nông cốt đạt 21,6%.

Hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định.

Cán bộ thôn đội trưởng có 02/05 là đảng viên, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên, tiểu đội trưởng dân quân thường trực đang là đoàn viên ưu tú đã tham gia lớp cảm tình đảng và đang hoàn tất hồ sơ kết nạp.

Tổ chức biên chế đơn vị dân quân tự vệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo Thông tư số 65/TT-BQP ngày 16/5/2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ. Cấp trên biên chế 10 khẩu súng K63, 06 khẩu CKC.

Hàng năm, các đối tượng dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Bộ Quốc phòng. Trong đó:

- Dân quân năm thứ 1 huấn luyện 15 ngày.
- Dân quân năm thứ 2 đến năm thứ tư là 12 ngày.
- Dân quân năm tại chỗ là 07 ngày.
- Dân quân thường trực là 60 ngày.

Ban CHQS xã thường xuyên phối hợp với công an tuần tra, truy quét theo dung kế hoạch đã ký kết. Các nội dung phối hợp thực hiện theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ ban hành quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

Có đầy đủ các kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng.

Thường xuyên tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hằng năm theo chỉ tiêu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao, 100% quân nhân xuất ngũ trở về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ.

100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

Hằng năm, tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân, công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban CHQS huyện theo quy định của pháp luật.

Đã lập danh sách lực lượng dân quân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác được giao.

Thường xuyên chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

Thường xuyên phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

Xã đạt chuẩn về an ninh trật tự năm 2019:

- Trong năm không để xảy ra vụ việc khiếu kiện đông người kéo dài.
- Trong năm không xảy ra các vụ án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- Tình hình cờ bạc trên địa bàn năm 2019 không xảy ra.
- Số người nghiện ma túy hiện nay: 00

c. Đánh giá mức độ tiêu chí.

Tiêu chí số 19 - An ninh và Quốc phòng: **Đạt.**

20. VỀ TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI :

a. Yêu cầu chung

- Xã không có nợ đọng trong xây dựng cơ bản.
- Căn cứ theo Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tiêu chí xác nhận nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG XD nông thôn mới.

b. Kết quả thực hiện

Xã không có nợ đọng trong xây dựng cơ bản

c. Đánh giá mức độ: Xã không có nợ đọng trong xây dựng cơ bản theo quy định.

21. VỀ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN:

a. Yêu cầu: Trên 90% dân số hài lòng.

b. Kết quả thẩm định:

- Kết quả hài lòng của người dân do xã tiến hành lấy ý kiến là: 98,82% hài lòng (Báo cáo số 07/BC-MTTQ-BTT ngày 28/8/2019 của UBMTTQVN xã Bình Sơn).

- Kết quả hài lòng của người dân do huyện tiến hành lấy ý kiến là: 98,82% hài lòng (Báo cáo số 119-BC/KV-MTTQ-BTT ngày 20/9/2019 của UBMTTQVN huyện Phú Riềng).

IV. KẾT LUẬN:

1. Về hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã Bình Sơn đạt chuẩn nông thôn mới đã thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Bình Sơn đã được UBND huyện Phú Riềng thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng trong xây dựng cơ bản: Không có nợ đọng.

V. KIẾN NGHỊ CHUNG:

1. Đối với Hội đồng thẩm định tỉnh/BCĐ/UBND tỉnh: Xem xét, thẩm tra, quyết định công nhận xã Bình Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

2. Đối với UBND xã Bình Sơn: Tiếp tục giữ vững, phát huy kết quả đạt được tại các tiêu chí, từng bước phát triển nâng chất các tiêu chí.

Trên đây là báo cáo báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Bình Sơn năm 2019, của UBND huyện Phú Riềng.

(Kèm theo Bảng tổng hợp kết quả thực hiện từng tiêu chí, chỉ tiêu)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.BCĐ NTM tỉnh-Văn phòng ĐPXDNTM;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh phụ trách huyện Phú Riềng;
- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- UBMTTQVN huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCĐ, VPĐP NTM huyện;
- Đảng ủy-UBND xã Bình Sơn;
- UBND các xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI XÃ BÌNH SƠN NĂM 2019**

*(Kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày/10/2019
của UBND huyện Phú Riềng)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%	100%	100%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 99\%$	99,5%	99,5%
		4.3. Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính trên tổng số km đường nhựa, đường BTXM của xã)	$\geq 10\%$	21,8%	21,8%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 100\%$	100%	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành		Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 90\%$	97,6%	97,6%

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI XÃ BÌNH SƠN NĂM 2019**
(Kèm theo Báo cáo số..... /BC-UBND ngày/10/2019
của UBND huyện Phú Riềng)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%	100%	100%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	99,5%	99,5%
		4.3 . Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính trên tổng số km đường nhựa, đường BTXM của xã)	≥10%	21,8%	21,8%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥100%	100%	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành		Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%	97,6%	97,6%

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 54	54,06	54,06
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 2,0\%$	1%	1%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	94,2%	94,2%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 90\%$	100%	100%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 45\%$	45,9%	45,9%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$> 82,2\%$	86,2%	86,2%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 16\%$	15,68%	15,68%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$> 70\%$	91,5%	91,5%

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥98% (≥65% nước sạch)	98,63% (68,8% nước sạch)	98,63% (68,8% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt.	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%	95,4%	95,4%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%	80%	80%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các	Đạt	Đạt	Đạt

		lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội			
19	An ninh và Quốc phòng	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt